

QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN TRONG LỊCH SỬ (*)

SONG JUNG NAM*

1. Mở đầu

Việt Nam và Thái Lan đều nằm trên bán đảo Đông Dương có những điểm tương đồng về địa lý và tính tiếp giáp về vật lý nên có quan hệ từ rất sớm qua đường biển. Nhưng so với các nước như Indonesia, Chiêm Thành và Campuchia thì mối quan hệ của hai nước không hẳn là có từ sớm vì thời kỳ thành lập vương quốc Thái Lan so với các nước này trong đó có cả Việt Nam muộn hơn..

Công cuộc Bắc Tiến của Chiêm Thành từ sớm đã có tính chất tương tự với Nam tiến của Trung Quốc với mục đích mang tính kinh tế-chính trị và có tính hiếu chiến đã trở thành một yếu tố biến lịch sử Việt Nam thành lịch sử đấu tranh (1). Thái Lan muốn nắm chủ quyền nên một cách tự nhiên có một lịch sử đấu tranh trong sự đối lập với các nước láng giềng như Miến Điện. Với tình hình như vậy, cả Việt Nam và Thái Lan một mặt cố gắng khắc phục điều này nhưng một mặt tích cực và kiên trì Đông tiến và Nam tiến để mở mang lãnh thổ. Do đó, quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan trong lịch sử bị ảnh hưởng bởi tình hình khai phá về phía Nam và phía Đông của hai nước cũng như bị ảnh hưởng bởi

tình hình của hai nước bên cạnh là Chiêm Thành và Campuchia. Ngoài ra, quan hệ giữa hai nước cũng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi tình hình nội bộ và các yếu tố bên ngoài khác theo từng thời kỳ.

Nam tiến của Việt Nam được triển khai dựa vào yếu tố địa chính trị và triết lý của sức mạnh một cách triệt để. Bắc tiến và Tây tiến thì không thể do núi non hiểm trở, dài và dốc từ Bắc đến Nam đồng thời có Trung Quốc mạnh hơn nhưng Nam tiến thì có thể do Chiêm Thành và Campuchia yếu hơn Việt Nam. Kết quả là Chiêm Thành bị xóa tên trên bản đồ và Thủy Chân Lạp của Campuchia thì biến thành lãnh thổ của Việt Nam. Còn Lào là nước anh em có một không hai. Trong đó, sự kiện một phần lớn lãnh thổ của Campuchia trở thành lãnh thổ của Việt Nam, đến nay, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và Campuchia.

Một mặt, Nam tiến và Đông tiến của Việt Nam và Thái Lan trong lịch sử đều có chung một đối tượng là Chiêm Thành và Campuchia nên đã có ảnh hưởng lớn đến quan hệ đối ngoại giữa hai nước. Dù vậy, quan hệ giữa hai nước không phải là quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia hay quan

* GS.TS. Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc

hệ giữa Thái Lan và Campuchia vì có Chiêm Thành và Campuchia là vùng đệm giữa hai nước. Vậy, phải chăng mối quan hệ giữa hai nước là mối quan hệ hữu nghị láng giềng? Dĩ nhiên là cũng không phải vậy vì cả hai nước là những nước mạnh giữa các nước yếu.

Bài viết này xem xét mối quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan trong lịch sử. Do có giới hạn về dung lượng bài viết nên chúng tôi đã phân chia thời kỳ. Việc phân chia này dựa vào lịch sử Việt Nam kể từ trước Công nguyên cho đến năm 1802, khi triều đại cuối cùng của Việt Nam được thành lập để chia lịch sử quan hệ của hai nước thành hai thời kỳ: lúc bị gián đoạn và ngược lại lúc quan hệ phức tạp. Cho dù lịch sử Thái Lan bắt đầu từ đầu thế kỷ XIII nhưng hai thời kỳ này không thể tách khỏi tình hình quan hệ đối ngoại trong khu vực và thế giới kể từ giai đoạn đầu từ khi Việt Nam bị Trung Quốc thống trị từ năm 111 trước Công nguyên đến khi thành lập vương triều Hậu Lê, giai đoạn sau là từ vương triều Hậu Lê đến vương triều Tây Sơn.

Bài viết này chủ yếu tham khảo các tài liệu như *Đại Việt sử ký toàn thư* (trong bài này sẽ gọi tắt là *Toàn Thư*), *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Việt sử thông giám cương mục chính biên* (trong bài này sẽ gọi tắt là *Chính Biên*), *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, ngoài ra còn có *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777*. Tài liệu nghiên cứu ở Hàn Quốc liên quan đến bài nghiên cứu này là 1 phần trong nội dung của chương 3 "*Quan hệ chính trị của Thái Lan-Campuchia-Việt Nam thế kỷ 17: Campuchia - con tôm giữa hai con cá voi*" của Cho Hong Guk. Bài nghiên cứu này không chỉ đáp ứng yêu cầu của tác giả Cho Hong Guk là "phải tham khảo tư liệu Việt Nam để hiểu rõ mối quan

hệ Việt Nam, Campuchia, Thái Lan trong phạm vi rộng lớn" (2), mà còn góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ đối ngoại giữa các quốc gia Đông Nam Á trong lịch sử (từ trước Công nguyên cho đến năm 1802).

2. Thời kỳ 111 trước Công nguyên - 1428 sau Công nguyên

Về mặt địa lý cho dù Việt Nam và Thái Lan đều ở Đông Nam Á nhưng khác nhau về văn hóa. Trước hết, điều đó bắt nguồn từ vị trí địa chính trị. Thái Lan gần gũi hơn với văn hóa Ấn Độ, còn Việt Nam gần gũi hơn với văn hóa Trung Quốc. Dù vậy, văn hóa Việt Nam cũng không phải hoàn toàn khác biệt với văn hóa Ấn Độ vì Nho giáo của Trung Quốc, Hindu của Ấn Độ và Phật giáo đã cộng tồn ở Việt Nam từ rất sớm. Phật giáo của Việt Nam lúc đầu được du nhập từ Ấn Độ trong thời kỳ bị Trung Quốc cai trị cho đến năm 938 nên sự phát triển của Phật giáo có sự ảnh hưởng của Trung Quốc (3). Với sự hợp nhất Chiêm Thành và Chân Lạp, Việt Nam đã trở thành một nước có cả đạo Hindu, Phật giáo Tiểu thừa và Đại thừa. Do tiếp giáp biên giới và có quan hệ lâu dài với mục đích chính trị-kinh tế và yếu tố địa chính trị nên Việt Nam bị ảnh hưởng một cách tự nhiên văn hóa Trung Quốc, và kết quả là về mặt địa lý cho dù thuộc Đông Nam Á nhưng về mặt văn hóa thì Việt Nam, đặc biệt là miền Bắc Việt Nam thuộc vùng văn hóa Đông Bắc Á.

Do yếu tố địa chính trị nên từ sớm Việt Nam có quan hệ gần gũi với Trung Quốc, xa thì với Ấn Độ. Thời kỳ Việt Nam có quan hệ đối ngoại với Trung Quốc, Ấn Độ... các nước khác cũng có quan hệ đối ngoại với Việt Nam như Lâm Ấp (Hoàn Vương hoặc Chiêm Thành), Phù Nam, Đường Minh (4). Dĩ nhiên thời kỳ này (179 trước CN-938) do Việt Nam nằm dưới sự cai trị của Trung Quốc nên các nước này không thể nói là có

quan hệ với Việt Nam, nhưng các nước này muốn có quan hệ với Trung Quốc thì nhất định phải thông qua lãnh thổ của Việt Nam bây giờ hay thông qua mối quan hệ khác với Trung Quốc có ảnh hưởng trực hay gián tiếp đến Việt Nam nên nói các nước này có quan hệ đối ngoại với Việt Nam cũng không phải là không có cơ sở.

Mối quan hệ đối lập giữa Việt Nam với Trung Quốc ở phía Bắc cũng như với Chiêm Thành ở phía Nam đã có từ rất sớm. Sự đối lập của Việt Nam và Chiêm Thành được nhen nhóm từ thời kỳ Trung Quốc cai trị và kết thúc năm 1697 với sự sát nhập Chiêm Thành vào Việt Nam. Thậm chí, trường hợp của Phù Nam năm 280 cũng đã đóng góp vào sự xâm lược Việt Nam của Lâm Ấp (5). Vấn đề này sẽ được đề cập sau nhưng cũng ảnh hưởng lớn đến quan hệ đối ngoại của Việt Nam và Thái Lan do Campuchia tiếp giáp với Việt Nam

Ngoài Trung Quốc, Lâm Ấp và Phù Nam, trong thời kỳ cai trị của Trung Quốc còn có các nước Chà Và, Côn Lôn, Chân Lạp và Nam Chiếu. Việt Nam và những quốc gia này ngoài quan hệ thông thương còn có quan hệ xung đột. Trường hợp Java và Côn Luân, năm 767 đã xâm nhập vào bán đảo Đông Dương bao vây cả tỉnh Tống Bình (6). Năm 651 dân tộc Thái của Thái Lan ngày nay xây dựng Nam Chiếu (7) ở tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Sau khi Nam Chiếu tương đối có thể lực, lợi dụng sự suy tàn của nhà Đường đã bắt đầu xâm lược An Nam từ năm 846. Trong thời kỳ xâm lược từ năm 862-863, Nam Chiếu đã giết hại hơn 150 ngàn người An Nam và đến năm 866 đã cai trị An Nam (8). Việc xâm lược An Nam của Nam Chiếu cũng tiếp tục vài lần sau đó.

Ngoài Nam Chiếu, chúng ta cũng có thể tìm thấy mối quan hệ giữa Việt Nam với

các vương quốc do dân tộc Thái xây dựng. Ở *Toàn thư* có đoạn: "Mùa xuân, tháng 2 năm 1149, thuyền buôn ba nước Trảo Oa, Lộ Lạc, Xiêm La (hoặc Tiêm La) vào Hải Đông, xin ở lại buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo gọi là Vân Đồn để mua bán hàng hóa quý, dân tiến sản vật địa phương" (9).

Sự ghi chép về 3 nước này theo cách phiên âm thường được dùng trong *Nguyên sử* và *Minh sử* theo chú thích của *Toàn thư* do Cao Huy Giu? (Chú?) dịch đoán Trảo Oa là đảo Java của In-đô-nê-xi-a ngày nay. Lộ Lạc thì được *Toàn thư* q. 6 chép là nước La Hối (10), q. 7 lại chép lại là nước Lộ Hạc (11), có lẽ đều là nước La Hộc, phần phía Bắc của nước Thái Lan ngày nay (12). Theo chú thích của *Toàn thư* do Ngô Đức Thọ dịch thì Lộ Lạc: chưa rõ chỉ nước nào. Thời Trần, có thuyền buôn Lộ Hạc đến Vân Đồn. Có lẽ Lộ Lạc chính là Lộ Hạc. Dựa vào phát âm có thể cho rằng Lộ Hạc là nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Trung Quốc thời Nguyên-Mông. La Hộc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Hạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Marco Polo (13).

Nội dung ở *Toàn thư* năm 1149 và cả ở *Chính biên* "Bấy giờ các nước Qua Oa và Tiêm La có nhiều nhà buôn đóng ở Hải Đông, Ta bèn lập trang ở trên cù lao để cho họ ở, gọi là Vân Đồn trang". Nội dung này, trong 3 nước không có đề cập đến Lộ Lạc. Và chú thích của *Chính biên* về Tiêm La thì theo sách *Thanh nhất thống chí*, Tiêm La, đời Tùy Đường, gọi là nước Xích Thổ, ở về phía Tây Nam nước Chiêm Thành, là một tộc người của nước Phù Nam; sau chia làm hai: nước Tiêm và nước La Hộc. Hối đầu niên hiệu Nguyên Trinh đời Nguyên, vào cống nhà Nguyên. Về sau, nước La Hộc mạnh hơn, thôn tính cả đất Tiêm, mới đặt tên nước là Tiêm La Hộc, dưới triều Hồng

Vũ nhà Minh, Tiêm La Hộc vào châu, vua Minh ban cho ấn Tiêm La quốc vương. Từ đó mới gọi là nước Tiêm La (14).

Ghi chép của Trần Trọng Kim đối với lịch sử Thái Lan trong thời đại này như sau. Đến quãng nhà Tùy và nhà Đường bên Tàu là vào quãng thế kỷ thứ 6, thứ 7 thì đất Phù Nam chia ra làm hai: một nửa về phía Đông có một dân tộc khác đến lập ra nước Chân Lạp, còn một nửa về phía Tây thì người Phù Nam ở gọi là nước Xích Thổ. Vào quãng nhà Tống, nhà Kim (thế kỷ thứ XI-XII) thì nước Xích Thổ lại chia ra làm hai: một nước gọi là La Hộc, một nước gọi là Tiêm. Thời nhà Nguyên của Trung Quốc (thế kỷ XIII-XIV) thì sử có chép hai nước này sang cống. Về sau nước La Hộc thống nhất nước Tiêm, mới gọi là nước Tiêm La Hộc. Đến đầu nhà Minh (cuối thế kỷ thứ XIV) vua nước này sang cầu phong bên Trung Quốc, vua Thái Tổ nhà Minh mới phong là nước Tiêm La (15).

Nội dung trên của *Toàn thư* và *Chính biên* và ghi chép của Trần Trọng Kim theo tôi đều có vấn đề cần làm sáng tỏ. Trước hết ở hai tài liệu trước được đề cập, việc dân tộc Thái xây dựng vương quốc Sukhothai vào năm 1149 (1238-1438) và thời kỳ thành lập vương quốc Ayutthaya (1350-1767) đều không thống nhất. Và như đề cập của Trần Trọng Kim “vào thời Tống, Đường tồn tại Xiêm và La Hộc ở thế kỷ XI-XII” thực tế không thống nhất với thời kỳ tồn tại của Sukhothai và Ayutthaya. Thời điểm thành lập Sukhothai vào năm 1149 cách khoảng 100 năm so với năm 1238, và thời kỳ thành lập Ayutthaya và năm 1350 cách nhau đến 200 năm. Niên đại thành lập 2 nước Sukhothai và Ayutthaya cũng cách nhau hơn 100 năm. Nhưng vào năm 1149, cùng thời kỳ đó cả Sukhothai và Ayutthaya đều đến Việt Nam là một điều

khó tin. Nói thời điểm ra đời của Xiêm La vào năm 1149 thì cũng không có cơ sở.

Ngày nay, đối với những quốc gia dùng chữ Hán như Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc, Thái Lan trong lịch sử được biết đến với tên gọi là Xiêm La. Xiêm La là Siam và chữ trước của Lop Buri hoặc Lavo kết hợp thành, như Xiêm chỉ vương quốc Sukhothai và La chỉ Ayutthaya hoặc là từ La Hộc hợp thành (16). Vậy thì việc ghi Xiêm La của *Toàn thư* hay *Chính biên* thì Xiêm là ghi sai. Cho dù thế, vào năm 1149 phải giải quyết thế nào đối với việc Xiêm hay là Sukhothai không được thành lập.

Lịch sử không thể có giả định, nhưng ngoài Lộ Lạc và Xiêm La vào năm 1149 thì việc ghi chép về việc dân tộc Thái xây dựng các vương quốc khác ngoài vương quốc Sukhothai là không chính xác, hoặc là nếu cho rằng quốc hiệu của các vương quốc Thái Lan lấy tên thủ đô làm căn cứ, và cho dù Sukhothai và Ayutthaya chính thức không được thành lập nhưng vào năm 1149 những người dân khu vực này vào Việt Nam và đã không được ghi lại địa danh nơi mình cư trú (?).

Giả định này có nhiều khả năng hơn. *Toàn thư* hay *Chính biên* sau năm 1149 vẫn ghi là Xiêm La và Xiêm. Điểm cần chú ý ở đây là *Toàn thư* sau năm 1149 vẫn ghi là Xiêm La hoặc *Chính biên* cần nhắc đến thời kỳ hình thành các vương quốc đã phân biệt và ghi Xiêm, Xiêm La. Chẳng hạn, ở *Toàn thư* thì ghi “năm 1182 nước Xiêm La sang cống” (17) còn ở *Chính biên* thì ghi “nước Xiêm đến tiến cống” (18). Tiếp theo, *Toàn thư* thì ghi “năm 1184 người buôn của các nước Xiêm La và Tâm Phật Tể vào trấn Vân Đồn, dâng vật quý để xin buôn bán” (19).

Năm 1149 và 1184, ngoài việc thương nhân hay thương thuyền lấy mục đích đòi thông thương vào khu vực có cùng tên là Vân Đồn nhưng không ghi lại địa danh cư trú thì chúng ta cũng cần chú ý sự thật là vào năm 1182 đã có quốc gia vào cống nạp.. Trong lịch sử, triều cống là một hình thức để xây dựng quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia thông qua các sứ thần. Nước nhận triều cống không thể ghi sai tên quốc gia, nên quốc hiệu của năm 1182 được xem là chính xác. Do đó, việc giải thích theo lịch sử của Thái Lan vào thế kỷ XIII về quốc hiệu của các quốc gia này hoàn toàn không có cơ sở nhưng theo các tư liệu của Việt Nam được đề cập trên đây hay căn cứ vào Logic thì đó chính là các vương quốc truyền thống của Thái Lan. Như vậy, lần đầu tiên việc giải thích lại về thời điểm thành lập vương quốc Thái Lan, vương quốc Sukhothai được đặt ra.

Theo tài liệu lịch sử dưới triều Lý, vương triều Việt Nam có 3 lần có quan hệ đối ngoại với vương triều Thái Lan. Hai lần là thông thương và một lần là triều cống, tất cả là Thái Lan triều cống cho Việt Nam. Lúc đó, Thái Lan triều cống cho Việt Nam không phải là do quan hệ quân thần mà là do quan hệ thông thương hay quan hệ hữu nghị láng giềng.

Sau 3 lần tiếp xúc, quan hệ đối ngoại giữa hai nước không biết được tiến hành cụ thể như thế nào vào Triều đại nhà Trần và vào đầu triều đại Hậu Lê. Dưới triều Lý thì quan hệ giữa các vương quốc Thái Lan không có xung đột, có thể xem là quan hệ giữa hai nước tương đối tốt. Điều này sẽ được nói thêm sau... Từ thời nhà Lý, việc mở rộng lãnh thổ về phía Nam Việt Nam cho dù được tiến hành nhưng vẫn chưa cụ thể và lúc đó 2 nước Chiêm Thành và Campuchia đóng vai trò là vùng đệm giữa

Thái Lan và Việt Nam. Nhờ đó, dưới thời nhà Lý, Thái Lan đã mở rộng thế lực về phía Chiêm Thành hay Chân Lạp nên không vương quốc nào có thể gây ảnh hưởng đến triều đại nhà Lý. Mặt khác, lúc đó Campuchia đã hình thành tộc Khomer hùng mạnh nhất trong lịch sử và đó cũng là yếu tố giúp cho quan hệ giữa Thái Lan và Việt Nam được dễ dàng hơn.

Thời nhà Trần của Việt Nam là thời kỳ tồn tại vương quốc Sukhothai và Ayutthaya mà dân tộc Thái Lan lập nên. Tuy có sự chênh lệch chút ít về thời gian và mặc dù tồn tại hai vương quốc nhưng quan hệ đối ngoại giữa hai nước so với triều đại Lý không có gì thay đổi. Ở *Toàn thư*, quan hệ đối ngoại giữa hai nước chỉ xảy ra 2 lần. Chẳng hạn như “tháng 3 năm 1305, nước La Hối sai người dâng vải liễn lạ và các thứ” (20) và “mùa đông tháng 10 năm 1360, thuyền buôn của các Lộ Hạc, Trà Nha, Xiêm La đến Vân Đồn buôn bán, dâng các vật lạ” (21).

Từ sau năm 1300, thương thuyền của 3 nước này đã đến Vân Đồn để thông thương. Thời kỳ chống Đại Mông kết thúc, bán đảo Đông Dương tương đối được ổn định đã cho phép nối lại quan hệ thông thương của Việt Nam với các nước phương Nam như trong quá khứ. Vào năm 1360, trong 3 nước, Lộ Hạc và Trà Nha được gọi là La Hộc và Java, còn Xiêm La thì do thời kỳ Ayutthaya chưa hợp nhất Sukhothai nên Xiêm La là cách gọi sai của Xiêm.

Vương quốc Ayutthaya là một vương quốc buôn bán. Vương quốc Chiangmai hay Sukhothai nằm ở Bắc-Trung bộ lợi dụng đường biển để thông thương đối ngoại nhưng không dễ dàng, ngược lại vương quốc Ayutthaya ở phía Nam đã lợi dụng điều kiện địa lý thuận lợi nên có thể trở thành quốc gia trung tâm đường biển. Thời

kỳ năm 1368-1398 và 1403-1424, vương quốc Ayutthaya đã phái thuyền cống nạp cho nước Minh đến 57 lần; Năm 1425-1570, thuyền của nước Lưu Khu lên đến 56 chiếc (22) đã chứng minh cho điều này.

Nhưng điểm đáng nghi ngờ là lúc đó Đông Nam Á chủ yếu lợi dụng gió mùa ở vùng biển duyên hải và Việt Nam là nước nằm trên trục đường mà tàu thuyền của các quốc gia này qua lại thì việc thông thương giữa Thái Lan và Việt Nam không thể không tồn tại. Hơn nữa, trong khi vương quốc Sukhothai của Thái Lan thì vài chục lần, vương quốc Ayutthaya thì gần 100 lần phái sứ thần và thuyền cống nạp cho Trung Quốc (23) nhưng tại sao cống nạp cho Việt Nam thì chỉ có một hai lần.

Triều đại nhà Trần xung đột gay gắt với Mông Cổ trong thời gian dài sẽ là một lý do chính nhưng lý do lớn hơn không phải là xung đột trực tiếp mà là do sự bành trướng của vương quốc Thái Lan, nên giữa 2 nước đã từng tồn tại sự đối lập. Chúng ta thấy dấu hiệu này vào đầu triều đại Trần năm 1313. Chẳng hạn, "Lấy an phủ sứ Đỗ Thiệu Hứ làm kinh lược sứ. Bấy giờ nước Chiêm Thành bị nước Xiêm La lấn cướp, vua sai Thiệu Hứ đi kinh lược Nghệ An và Lâm Bình để sang cứu Chiêm Thành. Sau phàm kế hoạch lo liệu về biên giới phía Tây, Minh Tông đều ủy cho Thiệu Hứ" (24).

Theo lịch sử, quan hệ giữa Việt Nam và Chiêm Thành như nước với lửa. Chiêm Thành nằm ở miền Trung của Việt Nam lạc hậu về kinh tế, từ thế kỷ thứ 2 trước CN đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trong việc chống lại sự mở rộng lãnh thổ và việc thông qua Nam tiến của Việt Nam để khắc phục nền kinh tế lạc hậu (25). Như đã đề cập, sau cuộc xung đột giữa 2 nước năm 1697, Chiêm Thành hoàn toàn bị hợp nhất vào Việt Nam và bị xóa tên trên bản đồ. Nhưng

triều đại nhà Trần cũng trải qua tình trạng tương tự và có sự thay đổi trước cuộc chinh phục thế giới của Mông Cổ. Để đối mặt với sự xâm lược của Mông Cổ, cả hai nước chân thành mong muốn quan hệ hợp tác như răng và môi. Kết quả là năm 1282, khi Mông Cổ xâm lược Chiêm Thành (hay Chiêm Thành của Xiêm được đề cập ở trên) thì Việt Nam đã gửi chi viện (26). Do đó, đến nay Việt Nam khó chấp nhận sự thật Thái Lan chiếm Chiêm Thành làm lãnh thổ của mình, và dĩ nhiên là Việt Nam đã đứng ra đối phó vào năm 1313

Trong trật tự quốc tế đó, sự xâm lược Chiêm Thành của vương quốc Sukhothai dĩ nhiên đã khiêu khích Việt Nam và cùng với cuộc đấu tranh chống quân Mông của Việt Nam, quan hệ của 2 nước bị ảnh hưởng không nhỏ. Đặc biệt về mặt đối ngoại, vương quốc Ayutthaya đã theo đuổi sự bành trướng nhanh chóng và đáp lại yêu cầu quan hệ đối ngoại của Thái Lan rằng "tháng 9 năm 1467, thuyền buôn của nước Xiêm La đến trang Vân Đồn, dâng biểu bằng lá vàng và dâng sản vật địa phương. Vua khước từ không nhận" (27) ở đây thì Việt Nam cũng được nhắc đến. Từ triều đại Lý đến nay, quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan dù không mật thiết nhưng Việt Nam chưa bao giờ từ chối yêu cầu quan hệ đối ngoại của Thái Lan. Do đó, từ thời kỳ vương quốc Ayutthaya của Thái Lan và Hậu Lê của Việt Nam, quan hệ của 2 nước đã rơi vào tình trạng đối lập vì đều có chính sách mở rộng lãnh thổ riêng của mình.

Theo tài liệu của Việt Nam, dưới triều đại nhà Hồ, quan hệ giữa Thái Lan và Việt Nam hoàn toàn không được đề cập. Điều đó là do chính sách mở rộng lãnh thổ không thay đổi giữa hai nước và do thời gian tồn tại của triều đại nhà Hồ quá ngắn. Trước khi triều đại Hậu Lê ra đời, trong thời gian

cai trị của nhà Minh, giữa 2 nước cũng không có quan hệ ngoại giao.

3. Thời kỳ 1428-1788

Thời gian này quan hệ giữa Thái Lan và Việt Nam là quan hệ xung đột. Dĩ nhiên thời kỳ này quan hệ của hai nước ngay từ đầu không phải là quan hệ xung đột. Trong lịch sử, đầu thế kỷ XVII, trước khi Chiêm Thành bị xóa tên trên bản đồ và trước khi Việt Nam can thiệp vào nội tình của Campuchia, mô hình của triều đại nhà Lý vẫn được duy trì. Một mặt, về cuối thời gian này, quan hệ hợp tác thân thiện được hình thành và trên cơ sở đó vương triều cuối cùng của Việt Nam tiếp tục duy trì mối quan hệ này trong một chừng mực nhất định.

Việc triều đại Hậu Lê tồn tại trong thời gian dài cũng là một yếu tố hình thành mối quan hệ xung đột gay gắt. Trong thời gian đó, quan hệ đối ngoại giữa hai nước so với trước phức tạp và tế nhị hơn ở nhiều mặt. Ở đây, cả 2 nước không ngừng mưu cầu chính sách mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài, đặc biệt là trường hợp của Việt Nam, Bắc-Nam bị chia cắt, đối lập gay gắt nên khao khát thúc đẩy chính sách Nam tiến hơn bao giờ hết. Và kết quả là trong quan hệ Việt Nam-Thái Lan thời gian đó, Chiêm Thành vốn là vùng đệm dần dần bị xóa bỏ do sự can thiệp vào nội bộ vương quốc Angkor của Thái Lan và Việt Nam tăng theo sự suy yếu nhanh chóng của vương quốc Angkor.

Trong lịch sử Việt Nam, triều đại Hậu Lê là triều đại mở rộng lãnh thổ Việt Nam nhiều nhất. Ở Quảng Nam đến cực Nam lãnh thổ hiện tại cũng được hình thành trong thời kỳ này (28). Lúc đó, vương quốc Ayutthaya của Thái Lan cũng quyết tâm mở rộng lãnh thổ. Việc chinh phục

Campuchia của vương quốc Ayutthaya cũng tác động lớn đến quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và Thái Lan.

Dưới triều đại Hậu Lê, quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan được bắt đầu khi các thuyền buôn của Xiêm La sang cống vào tháng 8 năm 1437 dưới triều vua Lê Thái Lan Tông (29). Lúc này, vương quốc Ayutthaya chiếm Angkor, tiếp theo hợp nhất hoàn toàn Sukhothai. Tháng 11 năm đó nước Xiêm La đã phái sứ thần đi triều cống.

“Nước Xiêm La sai sứ là Trai Cương Lát sang cống. Vua đưa cho sắc thư bảo mang về, và trừ cho phần thuế buôn giảm xuống bằng nửa phần năm trước, 20 thu 1 phần, rồi thưởng cho rất hậu. Ngoài ra về phần quốc vương cho 24 tấm lụa, 30 bộ bát sứ, về phần quốc phi cho 5 tấm lụa, 2 bộ bát sứ, mỗi bộ là 35 chiếc” (30).

Nội dung trên đã chứa đựng nhiều sự thật mới. Ở triều đại trước không có tên các sứ thần của Thái Lan, đây là lần đầu tiên được đề cập. Trước đó, khi thương thuyền hay quan lại của Thái Lan nộp lễ vật đã gửi thư nhắn và đề cập nội dung một cách cụ thể về thuế thông thương so với thời kỳ trước và có thể phán đoán thái độ của Việt Nam như thế nào qua việc gửi đồ đáp lễ cho quốc vương và hoàng hậu Thái Lan. Nội dung “trừ cho phần thuế buôn giảm xuống bằng nửa phần năm trước” đã cho thấy quan hệ thông thương giữa hai nước được triển khai thêm một bước. Do ổn định nội bộ trong thời kỳ đầu của vương triều Hậu Lê nên lúc đó Việt Nam ở thời kỳ mà chính sách Nam tiến hoàn toàn không được xúc tiến. Đây cũng là thời kỳ mà ngoài Xiêm La ra, Việt Nam có quan hệ triều cống với Trảo Oa, Tam Phật Tể, Chiêm Thành, Mãn Lạt Gia (31).

Sau Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, trong thời gian tại vị của Lê Thánh Tông, quan hệ giữa Việt Nam và Chiêm Thành rơi vào quan hệ xung đột. Năm 1470, Lê Thánh Tông đã dẫn một đại quân hùng mạnh gồm 150 ngàn lính chiếm lĩnh Chiêm Thành và đến triều đại nhà Hồ thì đã hợp nhất nhưng dưới thời cai trị của nhà Minh đã bị lấy lại Quảng Nam và Quảng Ngãi. Ngoài sự kiện đó ra thì lãnh thổ Việt Nam đã được mở rộng đến Bình Định (32). Không những thế, Lê Thánh Tông còn vô hiệu hóa sức mạnh của Chiêm Thành với hình thức đặt 3 vua trên 3 vùng còn lại của Chiêm Thành (33).

Tham vọng hợp nhất Chiêm Thành của Việt Nam và sự xung đột với Chiêm Thành ở phía Nam cũng đã ảnh hưởng đến mối quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và Thái Lan. Dĩ nhiên không biết rõ nguyên nhân, nhưng như đã đề cập ở trên liệu có ở sự từ chối của Việt Nam đối với việc dâng lễ vật của thương thuyền Xiêm La vào năm 1467 không?. Lúc này quan hệ với Thái Lan hoàn toàn không chấm dứt. Tuy nhiên cũng không tìm thấy tài liệu nào ghi quan hệ tốt đẹp qua triều cống và thông thương của hai nước. Nhưng tháng 11 năm 1485 khi xem xét nội dung sắc luật về việc sứ thần các phiên bang đến triều cống như Chiêm Thành, Lão Qua, Xiêm La, Trảo Oa, Lạt Gia (34) thì không thể đơn giản đi đến kết luận là Việt Nam hoàn toàn không có quan hệ với Thái Lan.

Sự thật Việt Nam đã từ chối quan hệ với Thái Lan từ giữa thế kỷ XV đã tạo nên một hình ảnh rất phức tạp khi nhìn nhận trật tự tương lai của Đông Nam Á. Việt Nam đã thúc đẩy Nam tiến để hợp nhất Chiêm Thành, sau đó nội loạn trong thời gian dài và giữa Nam-Bắc đã có sự đối lập gay gắt, phía Nam tiếp tục Nam tiến để hợp nhất

Chiêm Thành và Chân Lạp. Thái Lan thì ở trong tình trạng chiến tranh gay gắt để tranh giành ưu thế và mở rộng lãnh thổ trong vùng đất hòa bình với các vương quốc Đông-Tây-Nam-Bắc. Với luật rừng ăn và bị ăn lẫn nhau như thế, Nam tiến của Việt Nam và và Đông tiến Thái Lan không thể không ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại giữa hai nước.

Từ đầu thế kỷ XVI quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước láng giềng bao gồm cả Thái Lan đã giảm đi do tình hình trong nước như cuộc chiến tranh Nam-Bắc (1527-1592) hay sự nổi loạn của nông dân trên toàn quốc xảy ra từ năm 1511-1522. Vì thế, sự chinh phục Chiêm Thành của miền Nam Việt Nam bị gián đoạn tạm thời. Cuộc đấu tranh quyền lực của Trịnh-Nguyễn phân chia Việt Nam thành 2 miền Nam-Bắc và sự mở rộng lãnh thổ về phía Nam được triển khai một lần nữa.

Nếu sự mở rộng lãnh thổ trước đây vốn có mục đích kinh tế, chính trị thì sự mở rộng lãnh thổ lúc này nhằm phục hồi sức mạnh để tìm lại quyền lực đã mất (35). Do đó sự mở rộng lãnh thổ về phía Nam lúc này không chỉ giới hạn đến Chiêm Thành mà một cách tự nhiên mở rộng đến tận Campuchia nơi tiếp giáp với Chiêm Thành. Kết quả là cho đến bây giờ không thể tránh được sự xung đột với Thái Lan, nước tiếp tục dùng quyền lực gây ảnh hưởng ở Campuchia.

Trong lịch sử, quan hệ giữa Việt Nam với Campuchia là quan hệ quân thần. Campuchia đã triều cống cho Việt Nam từ năm 1012 dưới thời nhà Lý (36). Nhưng trong quan hệ quân thần, quan hệ giữa hai nước kết cục vẫn không êm đẹp. Vì vậy, Campuchia thường xuyên chiếm đoạt Việt Nam. Trong quá trình đó, Campuchia đã liên hiệp với Chiêm Thành là nước nằm ở vị

trí quan trọng cùng thành lập chiến hạm và trong lịch sử, lúc thịnh vượng nhất Campuchia đã vài lần chiếm Việt Nam vào thế kỷ XII. Với lịch sử như thế, sự mong mỏi hợp nhất Chiêm Thành của những người Việt Nam trong quá khứ và sự cần thiết phải mở rộng lãnh thổ của chúa Nguyễn dưới thời kỳ đối lập Nam-Bắc giữa sau thế kỷ XVI đã thúc đẩy sự hợp nhất Campuchia của Việt Nam.

Đầu thế kỷ XVI, do tình hình trong nước hỗn loạn, việc Nam tiến bị trì trệ, Campuchia nằm dưới sự cai trị của Thái Lan. Sau đó, vương quốc Ayutthaya thành thuộc quốc của Miến Điện (1569-1584) nên tận dụng cơ hội này, Campuchia vội tìm lại độc lập tạm thời và rồi lại bị lệ thuộc vào vương quốc Ayutthaya. Lúc đó vương quốc Ayutthaya đã cai quản hầu hết lãnh thổ của Thái Lan. Ở Việt Nam, chúa Nguyễn là người có ảnh hưởng ở phía Nam đã triển khai hợp nhất phần lãnh thổ còn lại của Chiêm Thành bằng việc bắt đầu hợp nhất Cù Mông và Đại Linh của Chiêm Thành.

Tham vọng mở rộng lãnh thổ của Việt Nam không chỉ dừng lại ở Chiêm Thành. Năm 1620, chúa Nguyễn đã ký kết đồng minh và kết hôn với Chey Chettha đời thứ 2 của Campuchia (37). Lợi dụng điều này, Campuchia đã mượn sức của Việt Nam để thoát khỏi sự cai trị của Thái Lan (38). Việt Nam có cơ hội can thiệp vào Campuchia một cách hợp pháp với tư cách là người dân trong nước, đồng thời trên cơ sở đó, Campuchia có được cơ hội tuyệt vời có thể cản trở Thái Lan tiến vào xâm chiếm lãnh thổ của mình.

Sau khi kết hôn đồng minh, người Việt di trú đến Campuchia nhiều hơn, quan hệ đối ngoại của hai nước cũng sâu sắc hơn và Thái Lan đã bất mãn trong quan hệ không

mặn mà với Campuchia nên năm 1623 và năm sau đó đã hai lần xâm chiếm Campuchia nhưng thất bại (39). Dưới chính sách ngoại giao gần Việt xa Thái Lan của Campuchia, năm 1658, việc yêu cầu Việt Nam tham gia vào Campuchia để giải quyết tranh chấp vương vị (40) đã làm cho quan hệ giữa Thái Lan và Việt Nam thêm căng thẳng hơn. Nhân cơ hội này, Việt Nam đã gửi quân đội đến Campuchia giúp giải quyết phân tranh rồi biến Campuchia trở thành thuộc quốc. Thái Lan đã hai lần phái sứ thần vào năm 1659 và 1660 cho chúa Trịnh đang có chiến tranh với chúa Nguyễn (41) là một sách lược ngoại giao để hãm lại sự Nam tiến của chúa Nguyễn.

Một mặt, sau khi biến Campuchia thành thuộc quốc, tháng 3 năm 1660 khi chúa Nguyễn phái sứ đoàn thương mại đến vương quốc Ayutthaya không được Thái Lan tiếp đãi tử tế đó là một sự trừng phạt hay trả đũa. Đối với việc phái sứ đoàn sang thì Cho Heung Guk cho đó là sách lược ngoại giao của Việt Nam để nắm bắt phản ứng của chính phủ Thái Lan như thế nào đối với việc tham gia quân sự vào Campuchia vốn có ảnh hưởng của Thái Lan trong truyền thống (42), và cũng cho biết bây giờ mình là nước bá chủ đối với Campuchia và muốn tránh xung đột. Hơn nữa, nhằm lấy lại sức mạnh bị tiêu hao, lập trường của Chúa Nguyễn là hơn lúc nào hết cần đẩy mạnh thông thương với bên ngoài, việc cắt đứt quan hệ thương mại với Thái Lan không có lợi nên đã phái sứ đoàn thương mại sang Thái Lan nhằm duy trì mối quan hệ này. Điều này được suy luận qua việc chúa Nguyễn đánh thuế xuất nhập cảng các tàu thuyền nước ngoài tiến đến phía Nam nơi chúa Nguyễn cai trị. "Xét lệ thuế do lệnh sử tàu cũ là Võ Chân Đại kê khai thì tàu Thương Hải lệ thuế đến

là 3.000 quan, thuế về là 300 quan, tàu Quảng Đông lệ thuế đến là 3.000 quan, thuế về là 300 quan, tàu ở Phúc Kiến lệ thuế là 2.000 quan, thuế về là 200 quan, tàu Hải Nam thuế đến là 500 quan, thuế về là 50 quan, tàu Tây Dương lệ thuế đến 8.000 quan, thuế về là 800 quan, tàu Mã Cao lệ thuế đến là 4.000 quan, thuế về là 400 quan, tàu Nhật Bản lệ thuế đến là 4.000 quan, thuế về là 400 quan, tàu Xiêm La lệ thuế đến là 2.000 quan, thuế về 200 quan..." (43). Trong tình hình chính trị đối lập Trịnh-Nguyễn, điều khoản cho thấy đối ngoại thông thương giữa Thái Lan và Việt Nam bình thường hơn lúc nào hết.

Về sau, việc tranh giành ngôi vị ở Campuchia vẫn được tiếp tục. Campuchia không thể tự giải quyết việc này được, nên mỗi khi cần thì lại yêu cầu sự giúp đỡ của Thái Lan và Việt Nam kề cận (44), Thái Lan và Việt Nam vốn đang chờ cơ hội hợp nhất nên lợi dụng điều này nên hai nước đã đạt tham vọng của mình và do đó không thể tránh khỏi sự xung đột gay gắt.

Việc tranh giành vương vị vào năm 1674 đã tạo cơ hội cho Việt Nam phái quân đội đến Campuchia lần thứ hai (45). Kết quả là xảy ra sự xung đột vũ lực lần thứ nhất với Thái Lan vốn bắt đầu can thiệp quân sự và chính trị vào Campuchia vào đầu những năm 1670. Việt Nam chiến thắng đã bổ nhiệm Nặc Ông Thu, Nặc Ông Nộn làm quốc vương và phó quốc vương và cho cư trú ở Udong (Long Uc), Sài Gòn. Do can thiệp vào nội tình của Campuchia, Việt Nam đã đưa ra lý do là con cháu hoàng tộc nên đã bổ nhiệm Nặc Ông Thu thân Thái Lan làm quốc vương chính chứ không bổ nhiệm Nặc Ông Nộn thân mình dù mình là nước chiến thắng là một cách công nhận Thái Lan mạnh hơn mình (46). Thật ra lúc đó chúa Trịnh và chúa Nguyễn đang tiến

hành cuộc chiến tranh lần thứ 7 và cũng muốn tránh xung đột vũ lực với Thái Lan. Lúc này Campuchia phải triều cống cho cả Thái Lan và Việt Nam.

Sau đó, năm 1679, giữa quốc vương và phó quốc vương của Campuchia xảy ra xung đột, Việt Nam và Thái Lan đồng thời cùng can thiệp quân sự ở Campuchia nên đã xảy ra chiến tranh ở đó (47). Một mặt, vào năm 1679, nhiều người dân của nước Minh gia cư vào Campuchia (48) đã làm cho tình hình thêm phức tạp. Việt Nam đã lợi dụng họ để thúc đẩy hợp nhất lãnh thổ của Campuchia và kết quả là bắt đầu phát triển lãnh thổ rộng lớn về phía Đông của Campuchia như Đông Phố, Mỹ Tho, Biên Hòa và rồi năm 1698 đã hợp nhất toàn bộ (49). Tiếp theo, năm 1680, Mạc Cửu là một cự thần của nhà Minh, quê ở tỉnh Quảng Đông Trung Quốc được bầu làm quản lý của Campuchia đã khai thác toàn bộ Hà Tiên nhưng năm 1708, ông ta đã thân phục Việt Nam nên thêm một lần nữa Việt Nam có được lãnh thổ phía Nam của Chân Lạp (50). Con trai của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ, năm 1739 được công nhận có công lao ngăn chặn Campuchia nhận chi viện của Xiêm La và được phong làm đô đốc (51).

Sau đó, cuộc phân tranh vương vị của Campuchia và sự can thiệp nội tình của Thái Lan và Việt Nam vào Campuchia về số lần và quy mô ngày càng tăng. Kết quả là sự mở rộng lãnh thổ Campuchia của hai nước được tiếp tục. Năm 1757, Thủy Chân Lạp và Lục Chân Lạp (52) vốn bị phân chia vào thế kỷ VIII đã được hợp nhất thành toàn bộ Chân Lạp và Việt Nam đã có được lãnh thổ như ngày nay.

Dưới thời vương quốc Thonburi (1767-1782), Thái Lan đã có ảnh hưởng mạnh hơn đến Campuchia. Lúc đó, chúa Nguyễn ở phía Nam rơi vào hỗn loạn, sức thống trị

yếu đi do có cuộc nổi loạn của dân tộc thiểu số và nông dân. Từ năm 1771, cuộc nổi loạn của nông dân Tây Sơn bắt đầu uy hiếp đến sự tồn tại của chúa Nguyễn và sự diệt vong của triều đại hậu Lê. Tình hình đó đã cản trở việc mở rộng lãnh thổ và chúa Nguyễn dĩ nhiên không thể can thiệp được vào nội tình của Campuchia. Việc không thể mở rộng lãnh thổ hơn nữa cũng là do trong thời gian ngắn chúa Nguyễn đã mở rộng lãnh thổ rất lớn và không đủ khả năng để quản lý khai thác. Với cơ hội này, vương quốc Thonburi của Thái Lan và vương quốc Rattanakosin (1782-đến nay) đã độc chiếm quyền lãnh đạo đối với Campuchia.

Thời gian đối lập giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn (1771-1802) cũng đã tạo ra một khía cạnh mới trong quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan. Về phía Việt Nam, cho đến bấy giờ chúa Nguyễn ở phía Nam vốn chủ đạo mối quan hệ với Thái Lan đã thua trong cuộc chiến với Tây Sơn và sắp bị diệt vong còn Thái Lan thì vương quốc Thonburi được thành lập và vương quốc Ayuthaiya bị suy tàn nhưng trong thời gian đó mối quan hệ căng thẳng giữa các nhà sư và chiến tranh đối ngoại trong thời gian dài đã lắng dịu, và tiếp nối vương quốc Thonburi, vương quốc Rattanakosin trong thời gian đầu xây dựng đất nước không được ổn định, đã xảy ra chiến tranh với Miến Điện, Java với quy mô lớn.

Với tình hình đó, quan hệ giữa hai nước hoàn toàn xây dựng trên cơ sở mới. Tháng 11 năm 1781, khi Chakri của Thái Lan xâm chiếm Campuchia, Chương cơ Nguyễn Hữu Thụy của Việt Nam nhận lệnh của Nguyễn Phúc Ánh chỉ viện cho Campuchia. Trong thời gian hai phía đối đầu ở Campuchia thì ở Thái Lan đã xảy ra phản loạn, lúc đó gia đình của Chakri ở Băng Cốc bị bắt. Lúc đó, Chakria đã ký kết hợp

tác với Nguyễn Huy Thúy (53) đang ở trong tình trạng không thể tiến hành chiến tranh được nữa mà phải cấp bách xử lý tình hình trong nước nên đã rút quân để quân đội và bản thân được an toàn. Vì vậy, cho dù Chakri ký kết với Việt Nam với cương vị quốc gia nhưng vẫn thấy tính cá nhân mạnh hơn. Khi xem xét tình hình lúc đó thì đó chính là điều ước ký kết của cá nhân của Chakri. Lúc đó, thật ra, chúa Nguyễn của Việt Nam đang chiến đấu với quân Tây Sơn đã tiếp nhận yêu cầu của phía Thái Lan.

Ký kết giữa hai người sau này đã đem lại sự thay đổi rất lớn cho quan hệ giữa hai nước. Chúng tôi sẽ đề cập sau, nhưng chúa Nguyễn thông qua việc ký kết này, trước hết đã bảo vệ sinh mạng của mình và những người ủng hộ mình để không chỉ chuẩn bị cơ sở cho việc quay trở lại mà còn duy trì mối quan hệ hữu nghị hợp tác với nhau cho dù sau khi thành lập vương triều thịnh thoả có xung đột giữa hai bên.

Những sự kiện sau đây có thể đem lại kết quả cho quan hệ hợp tác giữa chúa Nguyễn và Chakri. Trước hết, trong cuộc đấu tranh với anh em nhà Tây Sơn, Nguyễn Phúc Ánh đã phái Nguyễn Hữu Thụy, Trần Xuân Trạch đến Thái Lan vào tháng 4 năm 1782 và có thể đã yêu cầu chỉ viện (54). Tiếp theo vào tháng 3 năm 1784, trong cuộc chiến tranh, Nguyễn Phúc Ánh đã dẫn những người ủng hộ mình lánh nạn ở Thái Lan (55). Có thể được xem giống như trường hợp của tướng Vinhlyma của Thái Lan bị bắt sống trong cuộc chiến với anh em Tây Sơn một năm trước vào tháng 7 năm 1783. Khi vương quốc Thonburi gặp hỗn loạn, ông ta đã đem 200 binh lính và mấy chục chiến thuyền đến Việt Nam tránh nạn đang giúp chúa Nguyễn thì bị bắt (56).

Vua Chakri của vương quốc Rattanakosin đã nhận yêu cầu chỉ viện của

Nguyễn Phúc Ánh, tháng 7 năm 1784, hai cháu Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 300 chiến thuyền với 2 vạn quân chi viện cho Việt Nam. Lúc đầu, liên hiệp quân của hai bên gần như thắng, nhưng bị quân Tây Sơn mai phục nên đã bị thua. Quân bại trận của Thái Lan đã rút quân qua Campuchia. Nguyễn Phúc Ánh một lần nữa lưu vong ở Thái Lan vào tháng 4 năm 1785. Vua Thái Lan đã để cho ông ta cư trú ở Đồng Khoai (ở ngoài thành Vọng Các) ngoại thành của Băng Cốc (57). Ông ta sống ở đó nhưng phái người về nước để chiêu mộ quân lính, nắm tình hình của quân Tây Sơn, chuẩn bị khôi phục. Tháng 2 năm 1786, Miến Điện xâm chiếm Thái Lan, ông ta lãnh đạo và giúp đỡ Thái Lan đánh bại quân Miến Điện. Vua Thái Lan đã tặng nhiều lễ vật và hứa giúp ông ta lấy lại quyền lực. Tháng 3 cùng năm, trước cuộc xâm chiếm của Java, ông ta cũng xuất binh và lập được chiến công (58).

Tháng 3 năm 1787, Nguyễn Phúc Ánh nắm được tin quân Tây Sơn rơi vào tình trạng hỗn loạn và ông ta nhanh chóng trở về nước. Nhưng lúc này ông ta cho rằng trong quá trình chiến đấu với quân Tây Sơn, quân Thái Lan đã khiếp sợ còn người dân khu vực có cảm tình với quân Tây Sơn, sự giúp đỡ của Thái Lan trở nên không có hiệu quả nên đã về nước. Ông ta đến hòn Tre (Trúc Du), ở đó ông ta đã chặn thủ cấp của cai cơ Trung vốn đang hoạt động hải tặc với những đối tượng là thương thuyền của Thái Lan rồi gửi sang cho Thái Lan. Việc này cũng giúp cho mối quan hệ hợp tác giữa hai bên phát triển (59).

Quan hệ hợp tác giữa hai bên vẫn được tiếp tục sau khi chúa Nguyễn về nước 1 năm sau khi phục hồi Gia Định năm 1789. Có những sự kiện như đã chi viện 8.800 bao ngũ cốc cho Thái Lan đang gặp khó

khăn bởi hạn hán và đói kém (60). Năm 1789, trước sự xâm lược của Miến Điện, Việt Nam đã gửi 100 chiến thuyền và 7.000 quan chi viện cho Thái Lan (61). Năm 1791, nếu như việc vương triều Chakri chuyển nhượng tù binh của Tây Sơn từ vương quốc Vạn Tượng cho chúa Nguyễn là việc có thật thì chúa Nguyễn - vương quốc Chakri-vương quốc Vạn Tượng đã liên hiệp đánh lại Tây Sơn (62).

4. Kết luận

Chúng tôi đã giới hạn việc xem xét quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan từ thời kỳ nhà Hán Trung Quốc cai trị Việt Nam đến triều đại cuối cùng của Việt Nam.

Việt Nam và Thái Lan ở trong bán đảo Đông Dương và được nối liền bởi đường biển giữa Chiêm Thành và Campuchia nên đã có quan hệ từ sớm. Nhưng theo quan niệm lịch sử “quan hệ giữa các nước láng giềng không tốt” nên quan hệ đối ngoại của hai nước cũng không được mặn mà. Quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và các nước láng giềng bao gồm cả Thái Lan không được tốt đẹp một phần do ý thức tiểu Trung Hoa thông qua quá trình đấu tranh gay gắt với Trung Quốc. May thay, giữa hai nước có Chiêm Thành và Campuchia làm vùng đệm nên có thể giảm bớt sự đối lập và xung đột. Nhưng Chiêm Thành dần dần bị xóa tên trên bản đồ và Campuchia bị thua trong cuộc cạnh tranh với các nước láng giềng nên quan hệ hai nước có khi rơi vào đối lập và xung đột.

Từ sớm, Việt Nam và Thái Lan đã đấu tranh và đối lập gay gắt với các nước láng giềng vì sự sinh tồn và thịnh vượng. Quan hệ giữa hai nước đã bị ảnh hưởng bởi điều này. Do đó, thời kỳ Chiêm Thành và Campuchia vững mạnh, quan hệ giữa hai nước êm đẹp nhưng khi Chiêm Thành và

Campuchia bị yếu đi thì tình hình đã trở nên phức tạp hơn.

Quan hệ giữa hai nước không chỉ bị tác động bởi tình hình Chiêm Thành và Campuchia. Tình hình chính trị trong nước của Việt Nam và Thái Lan cũng như tình hình nội bộ và quan hệ của các nước láng giềng khác ngoài Chiêm Thành, Campuchia cũng gây ảnh hưởng đến quan hệ của Việt Nam và Thái Lan. Nhưng tình hình Chiêm Thành và Campuchia là yếu tố gây ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ hai nước đó là biến số. Trong đó, yếu tố quyết

định nhất là tình hình Campuchia.

Lý do tình hình Campuchia trở thành yếu tố quyết định là do Thái Lan và Việt Nam tiếp cận Campuchia với tham vọng nắm quyền lực, mở rộng lãnh thổ của mình thông qua việc giúp đỡ giải quyết vấn đề kế thừa vương vị ở Campuchia. Nhờ cơ hội này, hai nước đã có được một lãnh thổ rất lớn của Campuchia. Kết quả là ngày nay, quan hệ giữa ba nước mà đặc biệt là quan hệ Việt Nam-Campuchia, quan hệ Thái Lan-Campuchia vẫn bị ảnh hưởng không nhỏ.

CHÚ THÍCH

(*). Tác giả xin chân thành cảm ơn Quý nghiên cứu của Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (2008).

(1). Cho Jae Hyun-Song Jung Nam, *Sự nhìn vào Việt Nam*, Nxb. Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, 2005, p. 75, 129.

(2). Cho Hung Guk: *Political Relations between Thailand, Cambodia, and Vietnam in the Seventeenth Century*, *The Southeast Asian Review*, Vol. 5, The Korean Association of Southeast Asian Studies, 1997, p. 64.

(3). Song Jung Nam, *A Study of Buddhism of Vietnam*, *Journal of International and Area Studies*, Vol.19 No. 1, Institute for International and Area Studies, 2001.

(4). Phan Khoang, *Việt Sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nxb. Khai Trí, 1969, p. 20.

(5). *Việt sử thông giám cương mục chính biên*, Tập I, Nxb.Văn Sử Địa, p.109.

(6). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, 1971, p.130.

(7). Võ Văn Nhung, *Người Thái phải chăng là người sáng lập nước Nam Chiếu?* Tạp chí Nghiên

cứu Lịch sử, số 46, 1963; Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, p. 69; Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, p. 149; Trần Quốc Vương-Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960, pp.182-183; Kim Young Aih, *Lịch sử Thái Lan*, Nxb. Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, 2002, p.28; Kim Hong Gu, *Nhập môn Thái Lan học*, Nxb. ĐHNH PS, 2000, p. 75; Seo Ga Seo, *Đại Lý cổ đại văn hóa khảo*, Hương Cảng, 1979, pp.120-122; Cho Hung Guk, *Phật giáo Thái Lan và Nước Quốc Vương*, Nxb. Sonamu, 2000, p. 22.

(8). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, 1971, pp.134-137.

(9). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, p. 281; *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, 1997, p. 283; *Việt sử thông giám cương mục chính biên*, Tập IV, Nxb. Văn Sử Địa, 1958, p. 355.

(10). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, p.101.

(11). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, sdd, p.163.

(12). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, sdd, p. 349.

- (13). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, sdd, 1998, p. 317. Theo Du ký của Marco Polo thì nước Locac là La Hộc. Kim Ho Dong, *Du ký của Marco Polo*, Nxb. Sagyejul, 2006, p. 428.
- (14). *Việt sử thông giám cương mục chính biên*, Tập IV, Nxb. Văn Sử Địa, 1958, p. 355.
- (15). Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, sdd, pp. 354-355.
- (16). Choi Byung Wook, *Lịch sử Đông Nam Á thời đại truyền thống*, Nxb. Công ty giáo khoa Đại Hàn, 2006.
- (17). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, p. 295; *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, p. 298.
- (18). *Việt sử thông giám cương mục chính biên*, tập IV, Nxb. Văn Sử Địa, 1958, p. 372.
- (19). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, sdd, p. 295.
- (20). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, sdd, p. 101; *Đại Việt sử ký tiền biên*, sdd, p. 405.
- (21). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, p. 140; *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, p. 315.
- (22). Kim Hong Gu, *Nhập môn Thái Lan học*, Nxb. ĐHNN PS, 2000, pp. 80-81.
- (23). Kim Young Aih, *Lịch sử Thái Lan*, Nxb. Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, 2002; Kim Hong Gu, *Nhập môn Thái Lan học*, Nxb. ĐHNN PS, 2000.
- (24). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, p. 13.
- (25). Song Jung Nam, *A Study on the Battles of Chiem Thanh against Mongolia*, Korean Association of Vietnamese Studies, V.5, 2004, p. 37.
- (26). Song Jung Nam, *Foreign Policy in the Middle Ages of Vietnam: The Case of the Mongol's Invasion Vietnam*, Journal of International Area Studies, V.10, N1. Spring 2006, pp. 221-222.
- (27). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, p. 215.
- (28). Song Jung Nam, *The Name and Territory of Vietnam*, Southesat Asia Journal, V16, N.2, 2006, p.107.
- (29). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, sdd, p.120.
- (30). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, sdd, p.125.
- (31). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, sdd, p.132.
- (32). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, sdd, pp. 233-239; Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, p. 237; Song Jung Nam, *The Name and Territory of Vietnam*, Southesat Asia Journal, V.16, N.2, 2006, p.107.
- (33). Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam*, sdd, p. 236.
- (34). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III, sdd, p. 292.
- (35). Cho Jae Hyun-Song Jung Nam, *Sự nhìn vào Việt Nam*, Nxb. Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, 2005, p. 97.
- (36). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, sdd, p.193.
- (37). Phan Huy Lê, Chu Thiên, Vương Hoàng Tuyên, Đinh Xuân Lâm. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tập III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội 1961, p.105; Lê Nguyễn, *Xã hội Đại Việt qua bút ký của người nước ngoài*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, p. 171; Song Jung Nam, *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2001, p.193, 304.
- (38). You In Sun, *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Isan, 2002, p. 219.
- (39). Phan Khoang, *Việt Sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1969, p.400.
- (40). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 98.

- (41). Cho Hung Guk: *Political Relations between Thailand, Cambodia, and Vietnam in the Seventeenth Century, The Southeast Asian Review*, Vol. 5, The Korean Association of Southeast Asian Studies, 1997, p. 56.
- (42). Cho Hung Guk: *Political Relations between Thailand, Cambodia, and Vietnam in the Seventeenth Century, The Southeast Asian Review*, Vol. 5, The Korean Association of Southeast Asian Studies, 1997, pp. 55-56.
- (43). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, pp. 213-232.
- (44). Cho Hung Guk: *Political Relations between Thailand, Cambodia, and Vietnam in the Seventeenth Century, The Southeast Asian Review*, Vol. 5, The Korean Association of Southeast Asian Studies, 1997, p. 53.
- (45). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p.122.
- (46). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p.122.
- (47). Phan Khoang, *Việt Sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1969, pp.410-411.
- (48). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 125.
- (49). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 125; Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, p. 62.
- (50). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p.p.202; Song Jung Nam, *A Study on the Land System and Territorial Expansion in Southern Part of Vietnam: From the Mid-16 Century to 18 Century*, The Pusan Historical Review, V.36, June 1999, p. 57.
- (51). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 202.
- (52). Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, p. 373; Cha Sang Ho-Yang Seung Yun-Kim Suong Ju, *Các nước Lào, Campuchia tương lai Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, 1999, p. 135.
- (53). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 202; *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, pp. 565-566; Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 1999, p. 377.
- (54). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 41.
- (55). *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, pp. 566-567.
- (56). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 48.
- (57). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, pp. 54-59.
- (58). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, pp. 60-61.
- (59). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 65.
- (60). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 93; *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, p. 567.
- (61). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p. 280; *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, p. 567.
- (62). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Tập II, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, p.140; *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, pp. 618-619.